

HỆ THỐNG BIỂU MẪU
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

Sở Y tế

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	D	E
1	Số bác sĩ, giường bệnh	001d.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo
2	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	002d.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo
3	Suy dinh dưỡng trẻ em	003d.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo
4	HIV/AIDS	004d.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo

A. BIỂU MẪU**Biểu số: 001d.N/BCS-XHMT**

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo

SỐ BÁC SĨ, GIƯỜNG BỆNH

Có tại ngày 31/12 năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1
Tổng số bác sĩ	01	Người	
1. Số bác sĩ bình quân 10.000 người dân	02	Người	
<i>(Chia theo trình độ chuyên môn về y tế)</i>			
- Bác sĩ	03		
- Thạc sĩ	04		
- Tiến sĩ	05		
- Phó giáo sư	06		
- Giáo sư	07		
Tổng số giường bệnh	08	Giường	
2. Số giường bệnh bình quân 10.000 người dân	09	Giường	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng .. năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 002d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau

**TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI MỘT TUỔI ĐƯỢC TIÊM
CHỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN**

Năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh/thành phố

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

	Mã số	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%)
A	B	1
Tổng số	01	
Chia theo huyện/thị xã		
<i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i>		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng .. năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 003d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo

SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

Năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng		
		Cân nặng theo tuổi	Chiều cao theo tuổi	Cân nặng theo chiều cao
A	B	1	2	3
Chung	01			
Chia theo mức độ SDD				
Độ I	02			
Độ II	03			
Độ III	04			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 004d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau

HIV/AIDS

Có đến 31/12 năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Phát sinh trong năm	Số cộng dồn	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Số ca tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân
A	B	1	2	3	4	5
I. Số ca hiện nhiễm HIV	01	Người				×
Chia theo giới tính:						
Nam	02	Người				×
Nữ	03	Người				×
Chia theo nhóm tuổi:						
13 tuổi trở xuống	Người				×
14-19	Người				×
20-29	Người				×
30-39	Người				×
40-49	Người				×
50 tuổi trở lên	Người				
Chia theo huyện/thị xã						
<i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i>						
.....	Người				×
II. Số ca tử vong do HIV/AIDS		Người		×	×	
Chia theo giới tính:						
Nam	Người		×	×	

	Mã số	Đơn vị tính	Phát sinh trong năm	Số cộng dồn	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Số ca tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân
A	B	1	2	3	4	5
Nữ	Người		×	×	
Chia theo nhóm tuổi:						
13 tuổi trở xuống	Người		×	×	
14-19	Người		×	×	
20-29	Người		×	×	
30-39	Người		×	×	
40-49	Người		×	×	
50 tuổi trở lên	Người		×	×	
Chia theo huyện/thị xã						
<i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i>						
.....	Người		×	×	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN II

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI BIỂU MẪU THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

B. GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 001d.N/BCS-XHMT: SỐ BÁC SĨ, GIƯỜNG BỆNH

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số bác sỹ trên mười nghìn dân được xác định tại thời điểm báo cáo theo công thức:

$$\text{Số bác sỹ bình quân trên mười nghìn dân} = \frac{\text{Số bác sỹ công tác trong lĩnh vực y tế có đến thời điểm báo cáo}}{\text{Dân số cùng thời điểm}} \times 10.000$$

Bác sỹ ở đây gồm bác sỹ, thạc sỹ, tiến sỹ, giáo sư, phó giáo sư có trình độ chuyên môn về y học và có bằng bác sỹ trở lên hiện đang công tác trong lĩnh vực y tế.

b) Số giường bệnh trên mười nghìn dân được xác định tại thời điểm báo cáo theo công thức:

$$\text{Số giường bệnh bình quân mười nghìn người dân} = \frac{\text{Số giường bệnh tại các cơ sở y tế có đến thời điểm báo cáo}}{\text{Dân số cùng thời điểm}} \times 10.000$$

Không tính số giường tại các trạm y tế xã/phường/thị trấn, cơ quan.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi số liệu có đến tại năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

BIỂU SỐ 002d.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI MỘT TUỔI ĐƯỢC TIÊM CHỦNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới một tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế trong năm xác định}}{\text{Tổng số trẻ em dưới một tuổi trong khu vực trong cùng năm}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin chia theo quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục hành chính hiện hành của Tổng cục Thống kê.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

BIỂU SỐ 003d.N/BCS-XHMT: SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng: là số trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng (SDD) ít nhất một trong 3 thể: Cân nặng theo tuổi; chiều cao theo tuổi hoặc cân nặng theo chiều cao tính trên 100 trẻ được cân đo của khu vực trong thời điểm điều tra.

(1) Trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: là trẻ em dưới năm tuổi có cân nặng theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

(2) Trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi: là trẻ em dưới năm tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

(3) Trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao: là trẻ em dưới năm tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

Quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) là một nhóm trẻ có sức khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường và cân nặng, chiều cao của những trẻ em này được Tổ chức Y tế Thế giới dùng làm chuẩn để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của những trẻ em cùng độ tuổi.

b) Tình trạng dinh dưỡng được phân loại theo các mức sau:

(1) Bình thường: $\geq -2SD$

(2) Suy dinh dưỡng (SDD):

- Độ I (vừa) $< -2SD$ và $\geq -3SD$

- Độ II (nặng): $< -3SD$ và $\geq -4SD$

- Độ III (rất nặng): $< -4SD$

Trong đó, SD là độ chênh lệch chuẩn.

Khái niệm suy dinh dưỡng theo nghĩa rộng không bao gồm cả hiện tượng thừa dinh dưỡng, hiện tượng béo phì.

c) Công thức tính:

$$\begin{aligned} &\text{Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi (\%)} \\ &= \frac{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi}}{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi được cân}} \times 100 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} &\text{Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (\%)} \\ &= \frac{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi}}{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi được đo chiều cao}} \times 100 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} &\text{Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (\%)} \\ &= \frac{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao}}{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi được cân và đo chiều cao}} \times 100 \end{aligned}$$

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 2: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi.

Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

BIỂU SỐ 004d.N/BCS-XHMT: HIV/AIDS

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân: là số người đã được cơ quan y tế phát hiện bị nhiễm HIV ở một khu vực và thời điểm xác định tính trên một trăm nghìn dân của khu vực đó.

$$\begin{aligned} &\text{Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân} \\ &= \frac{\text{Tổng số người hiện nhiễm HIV khu vực a thời điểm t}}{\text{Tổng số dân khu vực a thời điểm t}} \times 100.000 \end{aligned}$$

b) Số trường hợp tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân trong năm báo cáo, được xác định theo công thức:

$$\begin{aligned} &\text{Số ca tử vong do HIV/AIDS khu vực a năm t trên một trăm nghìn dân (Người)} \\ &= \frac{\text{Tổng số trường hợp mới tử vong do HIV/AIDS khu vực a trong năm t}}{\text{Dân số trung bình khu vực a năm t}} \times 100.000 \end{aligned}$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi tên các chỉ tiêu số ca hiện nhiễm HIV, số ca tử vong do HIV/AIDS chia theo các phân tổ giới tính, nhóm tuổi và theo huyện/thị xã theo danh mục hành chính hiện hành.

Cột 2: Ghi số phát sinh trong năm báo cáo.

Cột 3: Ghi số cộng dồn đến năm báo cáo.

Cột 4: Ghi số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân.

Cột 5: Ghi số ca tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ số ca hiện nhiễm HIV, số ca tử vong do HIV/AIDS trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: số phát sinh trong năm và số hiện có tính đến tại năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

Biểu số: 001d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo

SỐ BÁC SĨ, GIƯỜNG BỆNH

Có tại ngày 31/12 năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1
Tổng số bác sĩ	01	Người	
1. Số bác sĩ bình quân 10.000 người dân	02	Người	
<i>(Chia theo trình độ chuyên môn về y tế)</i>			
- Bác sĩ	03		
- Thạc sĩ	04		
- Tiến sĩ	05		
- Phó giáo sư	06		
- Giáo sư	07		
Tổng số giường bệnh	08	Giường	
2. Số giường bệnh bình quân 10.000 người dân	09	Giường	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng .. năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 001d.N/BCS-XHMT: SỐ BÁC SĨ, GIƯỜNG BỆNH

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số bác sỹ trên mười nghìn dân được xác định tại thời điểm báo cáo theo công thức:

$$\text{Số bác sỹ bình quân trên mười nghìn dân} = \frac{\text{Số bác sỹ công tác trong lĩnh vực y tế có đến thời điểm báo cáo}}{\text{Dân số cùng thời điểm}} \times 10.000$$

Bác sỹ ở đây gồm bác sỹ, thạc sỹ, tiến sỹ, giáo sư, phó giáo sư có trình độ chuyên môn về y học và có bằng bác sỹ trở lên hiện đang công tác trong lĩnh vực y tế.

b) Số giường bệnh trên mười nghìn dân được xác định tại thời điểm báo cáo theo công thức:

$$\text{Số giường bệnh bình quân mười nghìn người dân} = \frac{\text{Số giường bệnh tại các cơ sở y tế có đến thời điểm báo cáo}}{\text{Dân số cùng thời điểm}} \times 10.000$$

Không tính số giường tại các trạm y tế xã/phường/thị trấn, cơ quan.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi số liệu có đến tại năm báo cáo.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

Biểu số: 002d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau

**TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI MỘT TUỔI ĐƯỢC TIÊM
CHÚNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN**

Năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh/thành phố

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

	Mã số	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%)
A	B	1
Tổng số	01	
Chia theo huyện/thị xã		
<i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i>		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., Ngày ... tháng .. năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 002d.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI MỘT TUỔI ĐƯỢC TIÊM CHỦNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trẻ em} \\ \text{dưới một tuổi được} \\ \text{tiêm (uống) đầy đủ} \\ \text{các loại vắc xin} \\ \text{(\%)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số trẻ em dưới một tuổi được tiêm} \\ \text{(uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng} \\ \text{bệnh theo quy định của Bộ Y tế trong} \\ \text{năm xác định} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số trẻ em dưới một tuổi} \\ \text{trong khu vực trong cùng năm} \end{array}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin chia theo quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục hành chính hiện hành của Tổng cục Thống kê.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

Biểu số: 003d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau năm báo cáo

SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

Năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng		
		Cân nặng theo tuổi	Chiều cao theo tuổi	Cân nặng theo chiều cao
A	B	1	2	3
Chung	01			
Chia theo mức độ SDD				
Độ I	02			
Độ II	03			
Độ III	04			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 003d.N/BCS-XHMT: SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng: là số trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng (SDD) ít nhất một trong 3 thể: Cân nặng theo tuổi; chiều cao theo tuổi hoặc cân nặng theo chiều cao tính trên 100 trẻ được cân đo của khu vực trong thời điểm điều tra.

(1) Trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: là trẻ em dưới năm tuổi có cân nặng theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

(2) Trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi: là trẻ em dưới năm tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

(3) Trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao: là trẻ em dưới năm tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

Quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) là một nhóm trẻ có sức khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường và cân nặng, chiều cao của những trẻ em này được Tổ chức Y tế Thế giới dùng làm chuẩn để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của những trẻ em cùng độ tuổi.

b) Tình trạng dinh dưỡng được phân loại theo các mức sau:

(1) Bình thường: $\geq - 2SD$

(2) Suy dinh dưỡng (SDD):

- Độ I (vừa) $< - 2SD$ và $\geq - 3SD$

- Độ II (nặng): $< - 3SD$ và $\geq - 4SD$

- Độ III (rất nặng): $< - 4SD$

Trong đó, SD là độ chênh lệch chuẩn.

Khái niệm suy dinh dưỡng theo nghĩa rộng không bao gồm cả hiện tượng thừa dinh dưỡng, hiện tượng béo phì.

c) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi}}{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi được cân}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi}}{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi được đo chiều cao}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao}}{\text{Số trẻ em dưới năm tuổi được cân và đo chiều cao}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 2: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi.

Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế

Biểu số: 004d.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 17/02 năm sau

HIV/AIDS

Có đến 31/12 năm

Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

	Mã số	Đơn vị tính	Phát sinh trong năm	Số cộng dồn	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Số ca tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân
A	B	1	2	3	4	5
I. Số ca hiện nhiễm HIV	01	Người				×
Chia theo giới tính:						
Nam	02	Người				×
Nữ	03	Người				×
Chia theo nhóm tuổi:						
13 tuổi trở xuống	Người				×
14-19	Người				×
20-29	Người				×
30-39	Người				×
40-49	Người				×
50 tuổi trở lên	Người				
Chia theo huyện/thị xã (Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)						
.....	Người				×
II. Số ca tử vong do HIV/AIDS		Người		×	×	
Chia theo giới tính:						
Nam	Người		×	×	
Nữ	Người		×	×	
Chia theo nhóm tuổi:						

	Mã số	Đơn vị tính	Phát sinh trong năm	Số cộng dồn	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Số ca tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân
A	B	1	2	3	4	5
13 tuổi trở xuống	Người		×	×	
14-19	Người		×	×	
20-29	Người		×	×	
30-39	Người		×	×	
40-49	Người		×	×	
50 tuổi trở lên	Người		×	×	
Chia theo huyện/thị xã						
<i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i>						
.....	Người		×	×	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 004d.N/BCS-XHMT: HIV/AIDS

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân: là số người đã được cơ quan y tế phát hiện bị nhiễm HIV ở một khu vực và thời điểm xác định tính trên một trăm nghìn dân của khu vực đó.

$$\text{Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân} = \frac{\text{Tổng số người hiện nhiễm HIV khu vực a thời điểm t}}{\text{Tổng số dân khu vực a thời điểm t}} \times 100.000$$

b) Số trường hợp tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân trong năm báo cáo, được xác định theo công thức:

$$\text{Số ca tử vong do HIV/AIDS khu vực a năm t trên một trăm nghìn dân (Người)} = \frac{\text{Tổng số trường hợp mới tử vong do HIV/AIDS khu vực a trong năm t}}{\text{Dân số trung bình khu vực a năm t}} \times 100.000$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi tên các chỉ tiêu số ca hiện nhiễm HIV, số ca tử vong do HIV/AIDS chia theo các phân tổ giới tính, nhóm tuổi và theo huyện/thị xã theo danh mục hành chính hiện hành.

Cột 2: Ghi số phát sinh trong năm báo cáo.

Cột 3: Ghi số cộng dồn đến năm báo cáo.

Cột 4: Ghi số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân.

Cột 5: Ghi số ca tử vong do HIV/AIDS trên một trăm nghìn dân.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ số ca hiện nhiễm HIV, số ca tử vong do HIV/AIDS trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: số phát sinh trong năm và số hiện có tính đến tại năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Sở Y tế